

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 52

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302346036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 6 năm 2001 và các GCNĐKKD và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 29 vào ngày 26 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TDH theo Giấy phép Niêm yết số 83/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử dụng hoặc đi thuê, xây dựng công trình nhà ở, môi giới bất động sản và mua bán hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 3, Số 68 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thành Vinh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 17 tháng 2 năm 2025
Ông Nguyễn Quang Nghĩa	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025
Ông Hoàng Anh Phúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2024 miễn nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025
Ông Vũ Hải Quân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025
Bà Võ Thị Tường Vy	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2024

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Hải Quân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 17 tháng 2 năm 2025
Bà Võ Thị Tường Vy	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2024 miễn nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025
Ông Dương Ngọc Hải	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2024
Ông Trần Thành Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 2 năm 2025
Ông Nguyễn Quang Nghĩa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2024 miễn nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Liên	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Hải Long	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024 miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Bà Văn Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Liên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Hải Long	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024 miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Đàm Mạnh Cường	miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Thị Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540931/E-68604701

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

18
5
N
T



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ thuần sau thuế với số tiền là 304.689.787.539 VND. Cũng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.056.096.621.098 VND và các khoản nợ phải trả ngắn hạn cũng đã vượt quá các tài sản ngắn hạn số tiền là 179.874.574.816 VND. Đồng thời, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã ban hành các quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty tại các ngân hàng, Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã ban hành các quyết định dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu (Thuyết minh số 32). Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Thương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2759-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		400.017.873.735	853.498.665.648
110	I. Tiền	4	51.933.094.449	12.332.308.213
111	1. Tiền		51.933.094.449	12.332.308.213
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.396.212.900	3.795.918.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	28.733.763.239	31.073.222.639
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.2	(26.337.550.339)	(27.277.304.639)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.990.641.300	558.062.173.961
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	227.382.827.114	227.561.374.661
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	16.702.708.000	17.493.972.098
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.3	69.834.009.431	408.288.331.896
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 6.3	(207.928.903.245)	(95.281.504.694)
140	IV. Hàng tồn kho	7	229.300.069.525	270.579.037.742
141	1. Hàng tồn kho		395.300.836.008	436.579.804.225
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(166.000.766.483)	(166.000.766.483)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.397.855.561	8.729.227.732
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	88.866.589	112.951.391
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	9.759.463.103	8.054.592.512
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	549.525.869	561.683.829

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		285.672.177.102	480.003.830.458
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		134.411.826.362	358.303.299.033
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.3	362.139.790.666	367.758.263.337
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	6.3	(227.727.964.304)	(9.454.964.304)
220	II. Tài sản cố định		213.786.526	325.477.035
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	185.646.534	287.957.039
222	Nguyên giá		6.065.756.685	7.520.690.429
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.880.110.151)	(7.232.733.390)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	28.139.992	37.519.996
228	Nguyên giá		176.900.000	176.900.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(148.760.008)	(139.380.004)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	117.360.158.720	86.551.157.113
231	1. Nguyên giá		158.395.349.422	122.169.613.659
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(41.035.190.702)	(35.618.456.546)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	25.619.839.264	25.849.180.944
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.508.158.320	1.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.979.856.600	41.979.856.600
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.868.175.656)	(17.630.675.656)
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.066.566.230	8.974.716.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.072.592.452	6.980.742.555
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.993.973.778	1.993.973.778
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		685.690.050.837	1.333.502.496.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		615.205.536.894	957.819.146.574
310	I. Nợ ngắn hạn		579.892.448.551	923.908.005.787
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	143.721.507.927	144.265.792.090
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	256.643.922.488	230.122.821.219
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.109.737.620	4.849.398.123
314	4. Phải trả người lao động		1.100.731.291	299.107.922
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	13.159.146.043	12.948.587.731
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.615.391.000	6.592.511.119
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	143.993.612.287	510.489.463.550
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	14.548.399.895	14.340.324.033
330	II. Nợ dài hạn		35.313.088.343	33.911.140.787
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	34.449.321.112	33.599.991.617
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	733.017.231	180.399.169
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		130.750.000	130.750.001
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		70.484.513.943	375.683.349.532
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	70.484.513.943	375.683.349.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.126.527.670.000	1.126.527.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.126.527.670.000	1.126.527.670.000
421	2. Lỗ lũy kế		(1.056.096.621.098)	(750.911.370.897)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(751.406.833.559)	(688.475.613.104)
421b	- Lỗ sau thuế năm nay		(304.689.787.539)	(62.435.757.793)
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		53.465.041	67.050.429
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		685.690.050.837	1.333.502.496.106

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Lê Ngọc Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trần Thị Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	48.996.847.797	120.441.564.617
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	48.996.847.797	120.441.564.617
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(27.996.276.728)	(103.719.225.349)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.000.571.069	16.722.339.268
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.205.208.047	3.503.471.423
22	6. Chi phí tài chính	22	(953.105.100)	(30.855.969.536)
24	7. Lãi từ công ty liên kết		8.158.320	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	(2.003.028.959)	(1.628.552.163)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(356.317.404.939)	(48.827.464.372)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(335.059.601.562)	(61.086.175.380)
31	11. Thu nhập khác	25	34.442.870.149	7.262.960.200
32	12. Chi phí khác	25	(2.745.477.135)	(8.103.041.262)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	25	31.697.393.014	(840.081.062)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(303.362.208.548)	(61.926.256.442)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(788.546.317)	(646.369.709)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(552.618.062)	(180.399.169)
60	17. Lỗ thuần sau thuế TNDN		(304.703.372.927)	(62.753.025.320)
61	18. Lỗ thuần sau thuế của công ty mẹ		(304.689.787.539)	(62.435.757.793)
62	19. Lỗ thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(13.585.388)	(317.267.527)
70	20. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	19.4	(2.705)	(554)
71	21. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	19.4	(2.705)	(554)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Lê Ngọc Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trần Thị Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(303.362.208.548)	(61.926.256.442)
	Lỗ trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại	8, 9, 10	5.620.242.847	5.121.391.016
03	Các khoản dự phòng		331.867.503.651	60.038.830.205
05	Lãi từ các hoạt động đầu tư		(3.213.364.498)	(3.587.198.714)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.912.173.452	(353.233.935)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		343.314.979.220	(88.779.452.376)
10	Giảm hàng tồn kho		5.053.232.454	27.229.707.371
11	Giảm các khoản phải trả		(343.510.123.212)	(20.350.222.885)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		932.234.905	(699.704.479)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		684.100.000	321.940.000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(646.369.709)	(229.783.632)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(287.386.800)	(639.882.743)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		36.452.840.310	(83.500.632.679)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(91.818.182)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản dài hạn		-	272.727.273
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		-	(1.500.000.000)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	91.149.155.000
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		3.240.121.108	3.103.345.111
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.148.302.926	93.025.227.384

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Trái tức đã trả cho trái chủ	19.1	(357.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(357.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		39.600.786.236	9.524.594.705
60	Tiền đầu năm		12.332.308.213	2.807.713.508
70	Tiền cuối năm	4	51.933.094.449	12.332.308.213

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Trần Thị Liên
Tổng Giám đốc

Lê Ngọc Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302346036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT TPHCM") cấp ngày 15 tháng 6 năm 2001 và các GCNĐKKD và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất của Công ty là lần thứ 29 do SKHĐT TPHCM cấp ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TDH theo Giấy phép Niêm yết số 83/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử dụng hoặc đi thuê, xây dựng công trình nhà ở, môi giới bất động sản và mua bán hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 3, Số 68 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 44 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 42).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có ba công ty con trực tiếp. Báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Công ty TNHH Phát triển Thương mại Dịch vụ Thủ Đức ("TDHT")

TDHT là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304029762 do SKHĐT TP. HCM cấp ngày 23 tháng 9 năm 2005 và theo các GCNĐKKD sửa đổi. TDHT có trụ sở chính tọa lạc tại Số 4, Đường số 4, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của TDHT là sản xuất, mua bán nước đá tinh khiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty sở hữu 99,6% vốn chủ sở hữu của TDHT.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lộc Phúc An ("LPA")

LPA hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312561784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2013 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. LPA có trụ sở chính tọa lạc tại số 82-84 Đường Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của LPA là bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Ngày 30 tháng 3 năm 2022 sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận cho LPA tạm ngưng hoạt động từ ngày 1 tháng 4 năm 2022 đến 31 tháng 3 năm 2025 do hoạt động kinh tế biến động ngoài dự kiến không đủ khả năng duy trì hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của LPA.

Công ty TNHH Khai Thác Dịch Vụ ThuDuc House ("TDHS")

TDHS hiện là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0317286647 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 5 năm 2022. TDHS có trụ sở chính tọa lạc tại Tầng 8, Cantavil An Phú, Số 1 đường Song Hành, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của TDHS là kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của TDHS.



V. 01.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Giả định hoạt động liên tục*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ thuần sau thuế với số tiền là 304.689.787.539 VND. Cũng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.056.096.621.098 VND và các khoản nợ phải trả ngắn hạn cũng đã vượt quá các tài sản ngắn hạn số tiền là 179.874.574.816 VND. Đồng thời, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã ban hành các quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty tại các ngân hàng, Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã ban hành các quyết định dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu (*Thuyết minh số 32*). Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện các biện pháp điều chỉnh chiến lược kinh doanh, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản hoặc thanh lý tài sản khi cần thiết, cơ cấu nhân sự, thương lượng với các chủ nợ, tăng cường thu hồi các khoản phải thu để kiểm soát chi phí, ổn định tình hình tài chính để đảm bảo tính hoạt động liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng đã lập dự báo dòng tiền dựa trên một số giả định:

- i) Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngưng thực hiện các biện pháp cưỡng chế hoặc/và;
- ii) Công ty thắng kiện trong vụ kiện hành chính để yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bỏ toàn bộ các quyết định hành chính và thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã gửi Đơn Khởi kiện đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về các quyết định hành chính, các thông báo và yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bỏ toàn bộ các quyết định hành chính và thông báo của Cục thuế Hồ Chí Minh. (*Thuyết minh số 17*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Giả định hoạt động liên tục (tiếp theo)

Dựa trên các thông tin hiện có và không bị giới hạn trong các giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty và có dòng tiền đủ khả năng đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn của Nhóm Công ty trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty trong trường hợp Nhóm Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động liên tục.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- Chi phí để có tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho các nhà thầu; và
- Chi phí đi vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng chung và các chi phí khác có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản đó và các chi phí chung phân bổ dựa trên diện tích tương ứng của bất động sản bán đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 50 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Nhóm Công ty mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro và lợi ích trọng yếu đã chuyển sang cho người mua, mà thông thường là cho các hợp đồng không có điều kiện trao đổi. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện chủ yếu được đáp ứng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.218.673.617	4.919.080.274
Tiền gửi ngân hàng	50.714.420.832	7.413.227.939
TỔNG CỘNG	51.933.094.449	12.332.308.213

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu niêm yết	28.733.763.239	31.073.222.639
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(26.337.550.339)	(27.277.304.639)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.396.212.900	3.795.918.000

Chi tiết các khoản chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	2.160.000	21.850.551.499	2.160.000	21.850.551.499
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	105.042	6.845.191.740	140.942	9.184.651.140
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	8.273	38.020.000	8.273	38.020.000
TỔNG CỘNG		28.733.763.239		31.073.222.639
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh niêm yết		(26.337.550.339)		(27.277.304.639)
GIÁ TRỊ THUẦN		2.396.212.900		3.795.918.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là các cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	Giá trị thị trường VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	2.160.000	-	21.850.551.499	(21.850.551.499)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	105.042	2.358.192.900	6.845.191.740	(4.486.998.840)
TỔNG CỘNG				<u>(26.337.550.339)</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Năm nay	Năm trước
Ông Ngô Trung Hiếu (*)	66.379.408.333	66.379.408.333
Ông Phạm Thái Ninh (*)	54.310.425.000	54.310.425.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Chợ nông sản Thủ Đức	25.350.000.000	25.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương	19.070.119.116	19.070.119.116
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thăng Lợi	9.289.670.131	9.289.670.131
Các khách hàng khác	52.983.204.534	53.161.752.081
TỔNG CỘNG	227.382.827.114	227.561.374.661
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(167.203.308.856)	(81.813.475.522)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>60.179.518.258</u>	<u>145.747.899.139</u>

(*) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2022, Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Bách Phú Thịnh ("Bách Phú Thịnh") số 03/2022/HĐCNCP và số 02/2022/HĐCNCP với các cá nhân. Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Bách Phú Thịnh cho ông Ngô Trung Hiếu và ông Phạm Thái Ninh với tiến độ thanh toán cuối đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Vào ngày 5 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký các phụ lục Số 01 của các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Bách Phú Thịnh như trên để gia hạn tiến độ thanh toán chậm nhất đến ngày 31 tháng 8 năm 2023. Vào ngày 9 tháng 1 năm 2024, Công ty đã ký Biên bản làm việc về chuyển nhượng cổ phần Bách Phú Thịnh như trên với ông Phạm Thái Ninh và ông Ngô Trung Hiếu để gia hạn tiến độ thanh toán chậm nhất đến ngày 31 tháng 1 năm 2025. Công ty đã trích lập dự phòng 100% các khoản phải thu ông Ngô Trung Hiếu và ông Phạm Thái Ninh. Tổng số tiền trích lập dự phòng lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 120.689.833.333 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Chi tiết tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu của khách hàng ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(81.813.475.522)	(48.463.475.522)
Dự phòng trích lập trong năm	(85.389.833.334)	(35.100.000.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	1.750.000.000
Số cuối năm	<u>(167.203.308.856)</u>	<u>(81.813.475.522)</u>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Luật TNHH Bùi Gia Và Cộng Sự	16.000.000.000	16.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	702.708.000	1.493.972.098
TỔNG CỘNG	16.702.708.000	17.493.972.098
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(16.000.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>702.708.000</u>	<u>17.493.972.098</u>

6.3 Các khoản phải thu khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng nhân viên phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư	20.168.270.908	2.552.014.000
Phải thu về cho mượn vốn	15.124.447.558	15.124.447.558
Ủy thác đầu tư	11.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	6.460.741.705	6.260.741.705
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.845.885.773	1.880.800.703
Lãi cho vay	990.472.421	990.472.421
Phải thu đối với các khoản tạm nộp cho Cơ quan chức năng có liên quan (i)	-	365.547.441.471
Khác	14.244.191.066	9.932.414.038
	<u>69.834.009.431</u>	<u>408.288.331.896</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.3 Các khoản phải thu khác (tiếp theo)

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	361.601.215.666	362.378.528.337
Ký quỹ	538.575.000	537.755.000
Khác	-	4.841.980.000
	<u>362.139.790.666</u>	<u>367.758.263.337</u>
TỔNG CỘNG	431.973.800.097	776.046.595.233
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(24.725.594.389)	(13.468.029.172)
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	<u>(227.727.964.304)</u>	<u>(9.454.964.304)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	179.520.241.404	753.123.601.757
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	421.510.785.619	8.742.755.705
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	10.463.014.478	767.303.839.528

Chi tiết tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(22.922.993.476)	(25.536.043.476)
Dự phòng trích lập trong năm	(229.530.565.217)	(1.456.950.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	4.070.000.000
Số cuối năm	<u>(252.453.558.693)</u>	<u>(22.922.993.476)</u>

- (i) Ngày 5 tháng 3 năm 2021, Công ty nhận được Công văn số 1050/CV-CSKT-P10 từ Bộ Công An – Cơ quan Cảnh sát điều tra yêu cầu Công ty nộp lại số tiền 365.547.441.471 VND là tổng số thuế giá trị gia tăng ("thuế GTGT") đã được hoàn trong các kỳ hoàn thuế từ tháng 2 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 vào tài khoản tạm giữ của Bộ Công An – Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật để phục vụ việc thu thập và xác minh các hồ sơ và tài liệu liên quan đến số thuế GTGT đã được hoàn nêu trên Công ty. Công ty đã hoàn tất việc nộp số tiền này từ ngày 1 tháng 4 năm 2021 đến ngày 25 tháng 6 năm 2021 và ghi nhận số tiền đã tạm nộp này vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

Liên quan đến vấn đề này, bản án hình sự phúc thẩm số 304/2024/HS-PT ngày 3 tháng 5 năm 2024 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty phải hoàn trả cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 365.547.441.471 VND. Theo đó, yêu cầu Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chuyển số tiền 365.547.441.471 VND (là số tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ của Công ty đã chuyển cho Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh để khắc phục hậu quả của vụ án.

Công ty nhận được ủy nhiệm chi số: S2024/6666/240809_1055245_0111025 ngày 9 tháng 8 năm 2024 về việc Văn phòng cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 365.547.441.471 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.3 Các khoản phải thu khác (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản phải thu về các hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

			VND	
Bên hợp tác kinh doanh	Nội dung hợp tác	Tỷ lệ phân chia lợi nhuận/sản phẩm	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn			6.460.741.705	6.260.741.705
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Đầu tư dự án 39-41-43 Võ Văn Kiệt	Theo thỏa thuận	6.460.741.705	6.260.741.705
Dài hạn			361.601.215.666	362.378.528.337
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Cần Đước (*)	Hợp tác đầu tư	Theo thỏa thuận	127.273.000.000	127.273.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	Dự án 26 ha, giai đoạn 2 - Khu dân cư Trung Tâm tại Thị xã Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	65%	126.143.024.175	126.143.024.175
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Bến Lức (*)	Hợp tác đầu tư	Theo thỏa thuận	91.000.000.000	91.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Cao ốc Văn phòng Xanh tại 219 - 221 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	45%	11.678.595.091	12.455.907.762
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Khu nhà ở Bình An	12,5%	4.706.596.400	4.706.596.400
Ông Ôn Minh Lợi	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	Theo thỏa thuận	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Hợp đồng hợp tác đầu tư	Theo thỏa thuận	350.000.000	350.000.000
TỔNG CỘNG			368.061.957.371	368.639.270.042

(*) Đây là các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Khu căn hộ Hưng Vượng Cần Đước tại xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An và dự án trên khu đất tại xã Thanh Phú, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu khác từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Hưng Vượng Cần Đước và Công ty Cổ phần Hưng Vượng Bến Lức. Tổng số tiền trích lập dự phòng cho 2 dự án là 218.273.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	395.300.836.008	436.579.804.225
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(166.000.766.483)	(166.000.766.483)
TỔNG CỘNG	<u>229.300.069.525</u>	<u>270.579.037.742</u>

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án bất động sản		
Khu Đô thị Dịch vụ Thương mại Long Hội	165.770.324.893	165.770.324.893
Dự án Golden Hill, Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu	149.927.458.141	149.927.458.141
Trung Tâm Thương mại Phước Long 1.778 m ² , Thành phố Thủ Đức	43.011.134.753	39.772.334.753
Khu nhà ở 6,5 ha Phường Bình An, Thành phố Thủ Đức	17.487.368.267	17.487.368.267
Chung cư TDH Trường Thọ	4.506.684.932	29.713.783.905
Chung cư TDH Phước Bình	-	10.336.774.397
Khác	8.403.772.191	8.660.414.584
	<u>389.106.743.177</u>	<u>421.668.458.940</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình xây lắp	<u>6.194.092.831</u>	<u>14.911.345.285</u>
TỔNG CỘNG	<u>395.300.836.008</u>	<u>436.579.804.225</u>

Chi tiết tình hình (tăng), giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(166.000.766.483)	(165.770.324.893)
Dự phòng trích lập trong năm	-	(230.441.590)
Số cuối năm	<u>(166.000.766.483)</u>	<u>(166.000.766.483)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.956.076.179	2.314.142.087	3.250.472.163	-	7.520.690.429
Mua mới	-	-	-	91.818.182	91.818.182
Thanh lý	-	(1.546.751.926)	-	-	(1.546.751.926)
Số cuối năm	<u>1.956.076.179</u>	<u>767.390.161</u>	<u>3.250.472.163</u>	<u>91.818.182</u>	<u>6.065.756.685</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>792.600.461</i>	<i>700.860.161</i>	<i>2.976.209.090</i>	<i>-</i>	<i>4.469.669.712</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(1.829.106.709)	(2.258.597.175)	(3.145.029.506)	-	(7.232.733.390)
Khấu hao trong năm	(71.500.796)	(13.458.203)	(105.442.657)	(3.727.031)	(194.128.687)
Thanh lý	-	1.546.751.926	-	-	1.546.751.926
Số cuối năm	<u>(1.900.607.505)</u>	<u>(725.303.452)</u>	<u>(3.250.472.163)</u>	<u>(3.727.031)</u>	<u>(5.880.110.151)</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>126.969.470</u>	<u>55.544.912</u>	<u>105.442.657</u>	<u>-</u>	<u>287.957.039</u>
Số cuối năm	<u>55.468.674</u>	<u>42.086.709</u>	<u>-</u>	<u>88.091.151</u>	<u>185.646.534</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	176.900.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	130.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(139.380.004)
Hao mòn trong năm	(9.380.004)
Số cuối năm	(148.760.008)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	37.519.996
Số cuối năm	28.139.992

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và	84.215.068.204	37.954.545.455	122.169.613.659
Chuyển từ hàng tồn kho	33.179.375.731	3.046.360.032	36.225.735.763
Số cuối năm	117.394.443.935	41.000.905.487	158.395.349.422
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	(27.638.426.400)	(7.980.030.146)	(35.618.456.546)
Khấu hao trong năm	(4.248.763.992)	(1.167.970.164)	(5.416.734.156)
Số cuối năm	(31.887.190.392)	(9.148.000.310)	(41.035.190.702)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	56.576.641.804	29.974.515.309	86.551.157.113
Số cuối năm	85.507.253.543	31.852.905.177	117.360.158.720

Một số bất động sản đầu tư đã được định giá, một số bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định giá trị hợp lý một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 20.1 và 21):

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	15.672.147.000	14.933.972.570
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	9.882.291.500	6.791.028.470

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.1)	1.508.158.320	1.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (Thuyết minh số 11.2)	41.979.856.600	41.979.856.600
TỔNG CỘNG	43.488.014.920	43.479.856.600
Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 11.2)	(17.868.175.656)	(17.630.675.656)
TỔNG CỘNG	25.619.839.264	25.849.180.944

11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết %	Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải Thanh Nghệ ("VTTN")	Vận tải hàng hóa	1.508.158.320	30,00	1.500.000.000	30,00

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	VND					
	Giá trị đầu tư	Phản lũy kế lợi nhuận từ công ty liên kết		Giá trị còn lại		
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
VTTN	1.500.000.000	-	8.158.320	8.158.320	1.500.000.000	1.508.158.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư tài chính dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vốn đầu tư	Vốn đầu tư
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.279.856.600	32.279.856.600
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Phát triển Nhà Thành phố	3.200.000.000	3.200.000.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Liên Phương	2.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	41.979.856.600	41.979.856.600
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	(17.868.175.656)	(17.630.675.656)
GIÁ TRỊ THUẦN	24.111.680.944	24.349.180.944

Chi tiết (tăng), giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Số đầu năm	(17.630.675.656)	(35.166.625.135)
Dự phòng trích lập trong năm	(237.500.000)	(32.269.021.156)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	49.804.970.635
Số cuối năm	(17.868.175.656)	(17.630.675.656)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn	88.866.589	112.951.391
Khác	88.866.589	112.951.391
Dài hạn	6.072.592.452	6.980.742.555
Tiền thuê đất	3.457.484.500	3.581.705.500
Chi phí xây dựng và cải tạo văn phòng	2.422.595.530	2.802.851.518
Khác	192.512.422	596.185.537
TỔNG CỘNG	6.161.459.041	7.093.693.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	137.859.576.250	137.859.576.250
Các nhà cung cấp khác	5.861.931.677	6.406.215.840
TỔNG CỘNG	<u>143.721.507.927</u>	<u>144.265.792.090</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng chuyển nhượng dự án	199.397.377.796	199.397.377.796
Nhận tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh	39.630.000.000	7.260.000.000
Nhận tạm ứng xây lắp các công trình	13.665.244.922	18.966.105.721
Trả trước từ khách hàng mua căn hộ và nhà Khác	3.627.690.678	3.580.154.371
	323.609.092	919.183.331
TỔNG CỘNG	<u>256.643.922.488</u>	<u>230.122.821.219</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.054.592.512	2.459.896.832	(755.026.241)	9.759.463.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp	549.525.869	-	-	549.525.869
Các thuế khác	12.157.960	4.713.425	(16.871.385)	-
TỔNG CỘNG	<u>8.616.276.341</u>	<u>2.464.610.257</u>	<u>(771.897.626)</u>	<u>10.308.988.972</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.640.343.487	788.546.317	(646.369.709)	2.782.520.095
Thuế giá trị gia tăng	596.684.923	4.297.788.665	(4.124.830.273)	769.643.315
Thuế thu nhập cá nhân	33.591.136	1.407.064.677	(1.208.091.381)	232.564.432
Các thuế khác	1.578.778.577	3.809.226.315	(4.062.995.114)	1.325.009.778
TỔNG CỘNG	<u>4.849.398.123</u>	<u>10.302.625.974</u>	<u>(10.042.286.477)</u>	<u>5.109.737.620</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm Dịch vụ Thương mại và Nhà ở An Phú	12.588.587.731	12.588.587.731
Chi phí khác	570.558.312	360.000.000
TỔNG CỘNG	13.159.146.043	12.948.587.731

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	143.993.612.287	510.489.463.550
Phải nộp theo các quyết định của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (*)	91.018.476.321	460.186.106.879
Mượn vốn	22.000.000.000	22.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.763.181.818	14.395.000.000
Phải trả cho các trái chủ	6.393.100.000	6.394.800.000
Khác	10.818.854.148	7.513.556.671
Dài hạn	34.449.321.112	33.599.991.617
Nhận góp vốn đầu tư vào khu nhà ở 6,5 ha Bình An, Thành phố Thủ Đức	19.519.525.782	19.519.525.782
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh dự án khu nhà ở 3,3 ha Hiệp Bình Phước	8.039.260.343	8.039.260.343
Nhận góp vốn dịch vụ tiếp thị, phân phối độc quyền và phát triển dự án TDH Bình Chiểu	2.655.000.000	2.655.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.222.897.580	2.809.758.492
Khác	1.012.637.407	576.447.000
TỔNG CỘNG	178.442.933.399	544.089.455.167
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>178.052.933.399</i>	<i>543.814.455.167</i>
<i>Phải trả ngắn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>390.000.000</i>	<i>275.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(*) Nhóm Công ty ghi nhận theo các Quyết định hành chính của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh số tiền lãi chậm nộp thuế tính từ ngày chậm nộp thuế GTGT đến ngày mà Công ty nộp các khoản thuế vào tài khoản tạm giữ của Bộ Công An – Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật để phục vụ việc thu thập và xác minh các hồ sơ và tài liệu liên quan đến số thuế GTGT đã được hoàn của Nhóm Công ty (trừ đi các khoản Nhóm Công ty đã nộp, đã cần trừ). (TM số 6.3)

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Nhóm Công ty gửi Đơn Khởi kiện đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về các quyết định hành chính, các thông báo và yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bỏ toàn bộ các quyết định hành chính và thông báo của Cục thuế Hồ Chí Minh như sau:

- Quyết định số 5438/QĐ-CT ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;
- Quyết định số 5439/QĐ-CT ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;
- Quyết định số 66/QĐ-CT ngày 11 tháng 1 năm 2021 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;
- Quyết định số 2152/QĐ-CT ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;
- Quyết định số 731/QĐ-CT ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;
- Quyết định số 858 – 864/QĐ-CT-CC ngày 7 tháng 5 năm 2024 về việc cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty tại các ngân hàng;
- Thông báo số 115936/TB-CTTPHCM-KĐT ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tiền thuế nợ.

Ngày 7 tháng 8 năm 2024, Nhóm Công ty nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 4136/2024/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 7 năm 2024 với nội dung đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hành chính về "Khiếu kiện quyết định hành chính" giữa Nhóm Công ty và Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhóm Công ty vẫn còn đang trong quá trình làm việc và chờ kết quả xét xử của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến vụ kiện này và kết quả cuối cùng chưa được xác định tại ngày của báo cáo này. (Thuyết minh số 33).

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.340.324.033	14.739.909.012
Tăng trong năm	495.462.662	311.492.764
Giảm trong năm	<u>(287.386.800)</u>	<u>(711.077.743)</u>
Số cuối năm	<u>14.548.399.895</u>	<u>14.340.324.033</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đã góp của chủ sở hữu	Lỗ lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
				VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Số đầu năm	1.126.527.670.000	(688.235.315.340)	384.317.956	438.676.672.616
Lỗ thuần trong năm	-	(62.435.757.793)	(317.267.527)	(62.753.025.320)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(240.297.764)	-	(240.297.764)
Số cuối năm	1.126.527.670.000	(750.911.370.897)	67.050.429	375.683.349.532
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Số đầu năm	1.126.527.670.000	(750.911.370.897)	67.050.429	375.683.349.532
Lỗ thuần trong năm	-	(304.689.787.539)	(13.585.388)	(304.703.372.927)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(495.462.662)	-	(495.462.662)
Số cuối năm	1.126.527.670.000	(1.056.096.621.098)	53.465.041	70.484.513.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.126.527.670.000</u>	<u>1.126.527.670.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	112.652.767	112.652.767
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	112.652.767	112.652.767
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	112.652.767	112.652.767

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	<u>(304.689.787.539)</u>	<u>(62.435.757.793)</u>
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(304.689.787.539)	(62.435.757.793)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	112.652.767	112.652.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.705)	(554)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.705)	(554)

Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.590.089.015	100.944.419.714
Doanh thu cho thuê	15.406.758.782	14.933.972.570
Doanh thu bán bất động sản	-	2.483.278.343
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.079.893.990
DOANH THU THUẦN	<u>48.996.847.797</u>	<u>120.441.564.617</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.145.514.723	3.497.517.689
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	59.693.324	5.953.734
TỔNG CỘNG	<u>3.205.208.047</u>	<u>3.503.471.423</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.824.157.795	88.656.033.808
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	5.172.118.933	6.791.028.470
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	6.285.159.637
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.987.003.434
TỔNG CỘNG	<u>27.996.276.728</u>	<u>103.719.225.349</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	953.105.100	(17.608.573.479)
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	-	48.464.541.885
Khác	-	1.130
TỔNG CỘNG	953.105.100	30.855.969.536

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.003.028.959	1.628.552.163
Chi phí nhân viên	1.848.030.070	1.425.104.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	173.874.766
Chi phí khác	154.998.889	29.572.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp	356.317.404.939	48.827.464.372
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	330.947.689.917	28.956.670.209
Chi phí nhân viên	11.260.115.832	11.124.638.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.067.140.557	5.579.860.612
Chi phí khấu hao và hao mòn	290.434.824	634.072.304
Chi phí nhiên liệu và dụng cụ văn phòng	75.352.385	155.362.982
Chi phí khác	5.676.671.424	2.376.859.849
TỔNG CỘNG	358.320.433.898	50.456.016.535

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	314.947.689.917	28.956.670.209
Chi phí nhân viên	5.082.296.595	13.349.280.538
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	5.620.242.847	5.121.391.016
Chi phí mua hàng và dịch vụ mua ngoài	2.288.819.657	103.936.815.229
Chi phí nhiên liệu và dụng cụ văn phòng	75.352.385	155.362.982
Chi phí khác	1.048.555.486	2.396.178.804
TỔNG CỘNG	329.062.956.887	153.915.698.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	34.442.870.149	7.262.960.200
Nhận tiền bồi hoàn theo bản án phúc thẩm của tòa án (<i>Thuyết minh số 31</i>)	34.338.201.062	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	567.834	221.272.746
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	6.466.786.204
Giải phóng mặt bằng	-	533.178.557
Khác	104.101.253	41.722.693
Chi phí khác	2.745.477.135	8.103.041.262
Phạt vi phạm hợp đồng	664.925.994	570.981.777
Xây dựng	334.459.441	1.435.253.659
Khác	1.746.091.700	6.096.805.826
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>31.697.393.014</u>	<u>(840.081.062)</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	788.546.317	646.369.709
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	552.618.062	180.399.169
TỔNG CỘNG	<u>1.341.164.379</u>	<u>826.768.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế và lỗ trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ trước thuế	(303.362.208.548)	(61.926.256.442)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	(60.672.441.710)	(12.385.251.288)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phần lỗ không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại của các công ty con	7.237.090.370	16.065.984.752
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	61.919.725.459	5.988.721.438
Thu nhập không tính thuế	(6.867.640.212)	-
Chi phí không được trừ	278.680.198	(5.126.908.559)
Dự phòng đầu tư	(552.618.062)	(3.507.189.896)
Lỗ từ giao dịch bán công ty con và liên kết	(1.631.664)	-
Điều chỉnh hợp nhất	-	(180.399.169)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(28.188.400)
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.341.164.379	826.768.878

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thuế TNDN từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng (*)	1.993.973.778	1.993.973.778	-	-
	1.993.973.778	1.993.973.778		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty con và liên kết	(733.017.231)	(180.399.169)	(552.618.062)	(180.399.169)
	(733.017.231)	(180.399.169)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(552.618.062)	(180.399.169)

(*) Đây là khoản tạm nộp thuế của các khoản tiền nhận được từ khách hàng mua bất động sản theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 2 tháng 8 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.4 Lỗ thuế chuyển sang năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 172.468.546.050 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 136.283.094.200 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển lỗ	
2022	2027	80.329.923.760	-	-	80.329.923.760
2023	2028	55.953.170.440	-	-	55.953.170.440
2024	2029	36.185.451.850	-	-	36.185.451.850
TỔNG CỘNG		172.468.546.050	-	-	172.468.546.050

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

26.5 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn lợi nhuận tính thuế trong tương lai:

	VND
	Số cuối năm
Lỗ thuế chuyển sang năm sau (Thuyết minh số 26.4)	172.468.546.050
Các khoản dự phòng	435.656.867.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một nhóm các công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Doanh nghiệp mà Nhóm Công ty đầu tư
Ông Nguyễn Quang Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)
Ông Dương Ngọc Hải	Ủy ban Kiểm toán (đã miễn nhiệm)
Bà Võ Thị Tường Vy	Ủy ban Kiểm toán (đã miễn nhiệm)
Bà Trần Thị Liên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Long	Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)
Ông Đàm Mạnh Cường	Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)
Bà Văn Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)
Ông Trần Sơn	Chủ tịch TDHT
Ông Trương Xuân Phúc	Giám đốc TDHT

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Bà Văn Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng Hoàn tạm ứng	735.000.000	1.275.000.000 540.000.000	
Ông Trần Sơn	Chủ tịch TDHT	Tạm ứng Hoàn tạm ứng	2.225.400.000 618.127.227	1.700.000.000 540.000.000	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Tên	Thu nhập		VND
	Năm nay	Năm trước	
Ông Nguyễn Hải Long	1.946.860.524	-	
Bà Võ Thị Tường Vy	641.722.224	-	
Ông Nguyễn Quang Nghĩa	561.777.777	-	
Ông Đàm Mạnh Cường	251.040.909	1.170.349.998	
Bà Văn Thị Huệ	224.322.727	341.804.544	
Bà Trần Thị Liên	207.925.446	-	
Ông Nguyễn Huy Hoàng	-	122.600.000	
Ông Dương Ngọc Hải	-	80.000.000	
TỔNG CỘNG	3.833.649.607	1.714.754.542	

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Doanh nghiệp mà Nhóm Công ty đầu tư	Góp vốn và doanh thu phải thu từ đầu tư dự án 39-41-43 Bến Chương Dương	6.460.741.705	6.260.741.705	
Ông Trần Sơn	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	3.267.272.773	1.660.000.000	
Bà Văn Thị Huệ	Phó Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	Tạm ứng	735.000.000	735.000.000	
Ông Trương Xuân Phúc	Giám đốc TDHT	Tạm ứng	-	87.014.000	
TỔNG CỘNG			10.463.014.478	8.742.755.705	

Các khoản phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả ngắn hạn khác					
Công ty CP TM&DV Vận tải Thanh Nghệ	Công ty liên kết (từ ngày 19 tháng 5 năm 2023)	Ký quỹ	390.000.000	275.000.000	

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là kinh doanh bất động sản và hàng hóa và các hoạt động dịch vụ khác như dịch vụ quản lý và xây dựng các công trình.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Năm nay	Kinh doanh bất động sản	Thương mại, dịch vụ	Loại trừ	VND
Doanh thu thuần bộ phận				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.406.758.782	33.590.089.015	-	48.996.847.797
Doanh thu từ bán hàng và dịch vụ cho các bộ phận	-	21.632.394.839	(21.632.394.839)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	15.406.758.782	55.222.483.854	(21.632.394.839)	48.996.847.797
Lợi nhuận bộ phận	10.234.639.849	32.398.326.059	(21.632.394.839)	21.000.571.069
Chi phí bán hàng				(2.003.028.959)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(356.317.404.939)
Doanh thu hoạt động tài chính				3.205.208.047
Chi phí tài chính				(953.105.100)
Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh				8.158.320
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh				(335.059.601.562)
Thu nhập khác				34.442.870.149
Chi phí khác				(2.745.477.135)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(788.546.317)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(552.618.062)
Lỗ thuần sau thuế TNDN				(304.703.372.927)

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Kinh doanh bất động sản	Thương mại, dịch vụ	Loại trừ	VND Hợp nhất
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản bộ phận				
Tài sản của các bộ phận	544.125.137.446	102.952.880.562	(58.835.789.644)	588.242.228.364
Tài sản không phân bổ	-	-	-	97.447.822.473
Tổng tài sản	544.125.137.446	102.952.880.562	(58.835.789.644)	685.690.050.837
Nợ phải trả bộ phận				
Phải trả bộ phận	431.032.904.530	60.191.363.909	(55.194.682.175)	436.029.586.264
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	179.175.950.630
Tổng nợ phải trả	431.032.904.530	60.191.363.909	(55.194.682.175)	615.205.536.894

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

Năm trước	Kinh doanh bất động sản	Thương mại, dịch vụ	Loại trừ	Hợp nhất
				VND
Doanh thu thuần bộ phận				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.417.250.913	103.024.313.704	-	120.441.564.617
Doanh thu từ bán hàng và dịch vụ cho các bộ phận	-	8.194.820.760	(8.194.820.760)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	17.417.250.913	111.219.134.464	(8.194.820.760)	120.441.564.617
Lợi nhuận bộ phận	4.341.062.806	20.576.097.222	(8.194.820.760)	16.722.339.268
Chi phí bán hàng				(1.628.552.163)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(48.827.464.372)
Doanh thu hoạt động tài chính				3.503.471.423
Chi phí tài chính				(30.855.969.536)
Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh				-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				(61.086.175.380)
Thu nhập khác				7.262.960.200
Chi phí khác				(8.103.041.262)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(646.369.709)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(180.399.169)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN				(62.753.025.320)

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Kinh doanh bất động sản	Thương mại, dịch vụ	Loại trừ	VND Hợp nhất
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản bộ phận				
Tài sản của các bộ phận	508.694.238.190	46.965.123.694	-	555.659.361.884
Tài sản không phân bổ	-	-	-	777.843.134.222
Tổng tài sản	508.694.238.190	46.965.123.694	-	1.333.502.496.106
Nợ phải trả bộ phận				
Phải trả bộ phận	406.054.751.711	23.263.266.707	-	429.318.018.418
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	528.501.128.156
Tổng nợ phải trả	406.054.751.711	23.263.266.707	-	957.819.146.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty là bên đi thuê

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.753.713.586	4.703.713.586
Từ 1 đến 5 năm	11.614.854.344	12.364.854.344
Trên 5 năm	73.103.127.556	76.006.841.142
TỔNG CỘNG	<u>89.471.695.486</u>	<u>93.075.409.072</u>

Nhóm Công ty là bên cho thuê

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	10.636.495.641	11.430.706.596
Từ 1 năm đến 5 năm	6.944.372.691	20.595.922.291
TỔNG CỘNG	<u>17.580.868.332</u>	<u>32.026.628.887</u>

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản giữ hộ	<u>22.737.627.000</u>	<u>22.737.627.000</u>

Nhóm Công ty được giao tiếp nhận và quản lý một số tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại Dự án Chợ đầu mối phía đông thành phố ("Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức") theo Quyết định Số 4363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quyết toán vốn đầu tư các hạng mục sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước của dự án Chợ đầu mối phía đông thành phố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Nhóm Công ty đã nhận được Bản án hình sự phúc thẩm số 304/2024/HS-PT ngày 3 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về bị cáo Trần Hoàn Tiên và đồng phạm ("Bản án phúc thẩm"). Các nội dung trọng yếu có ảnh hưởng trực tiếp tới Nhóm Công ty trong Bản án phúc thẩm như sau:

- Hội đồng xét xử ("HĐXX") tuyên Nhóm Công ty phải hoàn trả cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh số tiền thuế GTGT đã hoàn 365,5 tỷ VND, theo đó yêu cầu Cục thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chuyển số tiền 365,5 tỷ VND mà Nhóm Công ty đã tạm nộp cho Cơ quan điều tra cho Cục thuế TP.HCM.
- HĐXX đã tuyên 18 bị cáo bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" phải bồi hoàn 340,2 tỷ VND cho Công ty.
- Các bị cáo bị truy tố về tội "vi phạm quy định về kế toán gây thiệt hại nghiêm trọng" buộc phải bồi thường cho Công ty với giá trị là 7,7 tỷ VND.
- Các bị cáo theo danh sách có liên quan đến vụ án phải liên đới bồi hoàn cho Nhóm Công ty số tiền 340,2 tỷ VND.

Ngày 4 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty gửi Đơn yêu cầu thi hành án và ngày 10 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty gửi Đơn sửa đổi, bổ sung Đơn yêu cầu thi hành án cho Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu thi hành án theo Bản án phúc thẩm đồng thời đề nghị áp dụng biện pháp đảm bảo thi hành án tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch thay đổi hiện trạng về tài sản đối với 12 tài sản là bất động sản của một bị cáo để đảm bảo phần nghĩa vụ thi hành án liên đới.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã nhận được Quyết định số 3188/QĐ-CTHADS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc thi hành án theo yêu cầu đối với các bị cáo có liên quan.

Theo đó, Nhóm Công ty có các tài sản tiềm tàng là các khoản bồi thường của các bị cáo có liên quan đến vụ án là 347,9 tỷ VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã nhận được số tiền 34 tỷ liên quan đến các khoản bồi thường này.

32. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

32.1 Các quyết định của cơ quan Thuế

Trong năm, Nhóm Công ty nhận các quyết định của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tại các ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản do nợ thuế, các quyết định gần nhất là các Quyết định từ số 2244/QĐ-CT-CC đến số 2247/QĐ-CT-CC của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27 tháng 12 năm 2024, về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của các ngân hàng với số tiền nợ là 91.771.254.291 đồng.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, Nhóm Công ty nhận được Quyết định số 731/QĐ-CT-CC của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng sử dụng hóa đơn đối với Công ty. Lý do bị cưỡng chế: Người nộp thuế có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định, số tiền bị cưỡng chế: 91.771.254.291 VND. Quyết định có hiệu lực thi hành trong 1 năm kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 21 tháng 4 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

32.2 Quyết định của các cơ quan liên quan

Vào ngày 2 tháng 5 năm 2024, Nhóm Công ty đã nhận được Quyết định số 621/QĐ-ĐT của Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty để thi hành nội dung Công văn số 3991/CTTPHCM-QLN ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh. Lý do bị cưỡng chế: Người nộp thuế có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định, số tiền bị cưỡng chế: 91.771.254.291 VND. Quyết định có hiệu lực thi hành trong 1 năm kể từ ngày 2 tháng 5 năm 2024 đến ngày 1 tháng 5 năm 2025 hoặc sẽ chấm dứt hiệu lực khi tiền thuế nợ được nộp đủ vào ngân sách nhà nước.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hàng tháng, Công ty nhận các quyết định của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tại các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản do nợ thuế, các quyết định gần nhất là các Quyết định từ số 133/QĐ-CT-CC đến số 136/QĐ-CT-CC của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24 tháng 2 năm 2025, về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của các ngân hàng với số tiền nợ là 90.607.806.321 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Lê Ngọc Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trần Thị Liên
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn